TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 02 - 2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thanh**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Chu Minh Chiến**
  Bà **Đinh Thị Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Bùi Ngọc Ph, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn XS, xã XT, thành phố ĐL, Lâm Đồng
2. *Bị đơn*: Anh LAW, sinh năm: 1964 – Quốc tịch: Australia (Úc)
Địa chỉ: 82 Kroombit SBQ 4715, Australia

(Chị Ph có mặt, anh LAW có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Bùi Ngọc Ph trình bày:

Chị Ph và anh LAW bắt đầu quen biết và tìm hiểu nhau vào khoảng tháng 3/2017 trong quá trình làm việc tại dự án sân Golf tại Đà Nẵng. Quá trình tìm hiểu khoảng 04 năm, giữa hai bên quyết định đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng vào ngày 12/11/2010. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2016 thì cùng trở về Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến khoảng đầu năm 2017 vì lý do công việc nên anh L phải quay trở về Úc. Thời gian này vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa hai bên chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại và không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề, lâu

dần khác biệt về lối sống dẫn đến vợ chồng không thể hòa giải và từ đó đến nay anh L cùng không quay trở lại Việt Nam. Chị được biết vào năm 2019 anh L đã sang Campuchia để làm việc và sinh sống tại đây. Hiện nay giữa vợ chồng đã không còn liên lạc nhiều, anh L không quan tâm gì đến chị và con cái, vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên T, giới tính: Nam. Sinh ngày 28/01/2013. Chị đang là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn chị đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ/ tháng

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của anh LAW tại bản tự khai đề ngày 15/12/2021 đã được chứng thực hợp pháp hóa lãnh sự của Đại sự quán Việt Nam tại Vương quóc Campuchia

Sau thời gian tìm hiểu khoảng 04 năm. Vợ chồng anh quyết định đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2010 tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2016 thì cùng trở về Đà Nẵng. Sau 07 năm chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là khác biệt về lối sống và định hướng chung về gia đình. Hiện tại vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên T, sinh ngày 28/01/2013. Anh đồng ý giao con chung cho chị Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu và đồng ý mức trợ cấp nuôi con hàng tháng số tiền 10.000.000đ

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình hình dịch bệnh nên anh không thể có mặt tại Việt Nam để làm thủ tục ly hôn với chị Ph. Đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh LAW.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Bùi Ngọc Ph khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh LAW hiện đang cư trú tại địa chỉ 82 K S Q 4715, Australia (Úc). Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đang định cư tại Úc và không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh LAW đã có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án

xét xử vắng mặt. Bản tự khai của bị đơn đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh LAW.

[2] Về nội dung: Qua thời gian tìm hiểu chị Phạm Bùi Ngọc Ph và anh LAW đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng vào ngày 12/11/2010. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ý thể hiện: Sau khi kết hôn, vì lý do cá nhân nên anh LAW đã trở về Úc, sau đó di chuyển sang Campuchia để sinh sống, làm việc. Thời gian đầu hai bên còn liên lạc bằng điện thoại nhưng sau đó ít dần và hiện nay đã không còn liên lạc. Khoảng cách về địa lý xa xôi, vợ chồng mỗi người mỗi nơi không có sự thông cảm, chia sẻ dẫn đến tình cảm lạnh nhạt dần, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm lẫn nhau. Chị Ph vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa các bên đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ các quy định tại Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Ph và anh LAW được ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên T, sinh ngày 28/01/2013. Hiện nay cháu đang ở với mẹ và nguyện vọng của cháu là muốn tiếp tục được ở với mẹ. Cả chị Ph và anh L đều thống nhất giao con chung cho chị Ph chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành nên cần giao con chung cho chị Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph và anh L đều thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000đ/tháng nên Hội đồng xét xử cần công nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Bùi Ngọc Ph, xử cho chị Phạm Bùi Ngọc Ph và anh LAW được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên T, sinh ngày 28/01/2013 cho chị Phạm Bùi Ngọc Ph chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh LAW có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 10.000.000đ/tháng (Mười triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Bùi Ngọc Ph phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008820 ngày 10/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Ph đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Bùi Ngọc Ph được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh LAW vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA (02);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
Chu Minh Chiến	**Đinh Thị Minh**	**Nguyễn Văn Thanh**

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trương Thị Thu được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Todd Dennis Van vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án./.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Trung Dũng được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp. HCM để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà Parham Thi Mai Huong vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 12 tháng kể từ ngày tuyên án.